

PHÁP LUẬT VỀ TÔN GIÁO VÀ TỰ DO TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

NGUYỄN ANH CƯỜNG

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội – nguyenanhcuong@ussh.edu.vn

(Ngày nhận: 28/09/2016; Ngày nhận lại: 22/10/2016; Ngày duyệt đăng: 12/01/2017)

TÓM TẮT

Nhận thức và thực thi những quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đã được đặt ra từ sớm trong lịch sử hình thành Nhà nước Việt Nam hiện đại. Những quan điểm và quy định của pháp luật ở Việt Nam đã tạo điều kiện cho mọi người dân thực hành tự do tín ngưỡng và tôn giáo, vì thế cùng với sự phát triển của xã hội, Việt Nam đã trở thành một trong những nước có sự đa dạng và phong phú nhất trên thế giới về tôn giáo và tín ngưỡng. Sự phát triển của tôn giáo tín ngưỡng ngày càng đòi hỏi việc hoàn thiện về pháp luật giúp cho thế giới tinh thần của người Việt thêm đầy đủ. Bài viết này đã tập trung làm rõ những phát triển trong nhận thức của Đảng và Nhà nước trong việc từng bước hoàn thiện luật pháp tín ngưỡng tôn giáo và thực tế đời sống tín ngưỡng tôn giáo vô cùng phong phú ở Việt Nam.

Từ khóa: Luật pháp tôn giáo; tự do tôn giáo; tôn giáo; luật pháp.

The law on religion and religious freedom in Vietnam

ABSTRACT

Awareness and enforcement of the law on religion and beliefs have been put off from early in the history of the modern State of Vietnam. The views and the rule of law in Vietnam have created conditions for Vietnamese people's practice of freedom on belief and religion, so that along with social development, Vietnam has become one of the countries with a great variety and diversity in terms of religion and beliefs. The development of religion and beliefs requires the completion of law to enhance the Vietnamese spiritual world. This article focused on clarifying the developments in the perception of the Party and the State in perfecting the law of religious belief and the richly diverse religious practice in Vietnam.

Keywords: Religious law; religious freedom; religion; law.

1. Luật pháp về tự do tôn giáo ở Việt Nam

Việt Nam là quốc gia được xếp hạng thứ 3 về đa dạng tôn giáo và tín ngưỡng nhất trên thế giới.¹ Nguyên tắc các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật được thể hiện ở chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và được kịp thời thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam được ghi nhận từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 và tiếp tục được khẳng định trong các bản Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992, 2013. Các quy định trong các bản Hiến pháp này càng về sau càng có xu hướng chi tiết hơn.

Chương 2 Điều 10, Hiến pháp 1946: Công dân Việt Nam có quyền: tự do ngôn luận; tự do xuất bản; tự do tổ chức và hội họp; tự do tín ngưỡng; tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài.

Chương 3 Điều 26, Hiến pháp 1959: Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có các quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Chương 5 Điều 68, Hiến pháp 1980: Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.

Chương 5 Điều 70, Hiến pháp 1992: Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.

Chương 2 Điều 24, Hiến pháp 2013: 1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật.

Ngoài Hiến pháp, trong từng thời kỳ, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo còn được sớm ghi nhận. Trong Chỉ thị của Thường vụ Trung ương về vấn đề thành lập Hội phản đế Đồng Minh ngày 18-11-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có tuyên bố đầu tiên về chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của quần chúng: "...phải lãnh đạo từng tập thể sinh hoạt hay tập đoàn của nhân dân gia nhập một tổ chức cách mạng, để dần dần cách mạng hóa quần chúng và lại đảm bảo tự do tín ngưỡng của quần chúng...". Chính sách này cũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra ngay trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 3-9-1945: "Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết", coi đó là một trong sáu nhiệm vụ của Nhà nước non trẻ. Hay trong lời kết thúc buổi ra mắt vào ngày 3-3-1951, Đảng Lao động Việt Nam đã tuyên bố: "...vấn đề tôn giáo, thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người". Sau khi hòa bình lập lại, ngày 14/6/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 234-SL ghi rõ: "việc tự do, tín ngưỡng, thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân. Chính quyền dân chủ cộng hòa luôn luôn tôn trọng quyền lợi ấy và giúp đỡ nhân dân thực hiện" (Điều 15). Một số Thông tư hướng dẫn thi hành Sắc lệnh này sau đó đã được ban hành, bao gồm: Thông tư số 593-TTg (năm 1957) và Thông tư số 60-TTg (11/6/1964) quy định chi tiết về việc thi hành chính sách tôn giáo... Sau khi đất nước thống nhất, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 297-CP ngày 11/11/1977 về "Một số chính sách đối với tôn giáo", trong đó nêu các nguyên tắc về tự do tôn giáo. Để đáp ứng với yêu cầu của quá trình đổi mới, ngày 21-3-1991, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị

định 59-HĐBT "Quy định về các hoạt động tôn giáo". Nghị định 59 là văn bản mang tính pháp quy, là sự kế thừa thực tiễn của quá trình thực hiện công cuộc đổi mới. Sự nghiệp cách mạng là của toàn dân, đổi mới về nhận thức và thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo là nhằm đảm bảo nhu cầu tín ngưỡng chính đáng của Nhân dân; qua đó, đã phát huy được năng lực, sức sáng tạo của hàng chục triệu đồng bào theo tôn giáo, góp phần dân chủ hóa đời sống xã hội trên cơ sở ổn định chính trị.

Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng CSVN năm 1991 đã khẳng định: "Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận Nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của Nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập dân tộc và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tiến bộ làm nghĩa vụ công dân"². Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII thông qua cũng ghi rõ: "Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận Nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân".

Vấn đề quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và bảo vệ quyền này tiếp tục được đề cập trong nhiều văn bản pháp luật. Trong Bộ luật Dân sự, Điều 5 nguyên tắc bình đẳng quy định: "Trong quan hệ dân sự, các bên đều bình đẳng, không được lấy lý do khác biệt về dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, hoàn cảnh kinh tế, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp để đối xử không bình đẳng với nhau" và Điều 47 ghi rõ: "Cá nhân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để xâm

phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác”³

Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (Pháp lệnh TNTG) ban hành năm 2004 đã thể chế hóa quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam, trong đó xác định: “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận Nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”⁴. Pháp lệnh lần đầu tiên giải thích các thuật ngữ “hoạt động tín ngưỡng”, “cơ sở tín ngưỡng”, “tổ chức tôn giáo”, “hoạt động tôn giáo”, “hội đoàn tôn giáo”, “cơ sở tôn giáo”, v.v... đồng thời quy định cụ thể về hoạt động tín ngưỡng của người có tín ngưỡng; hoạt động tôn giáo của tín đồ, nhà tu hành, chức sắc; tổ chức tôn giáo và hoạt động của tổ chức tôn giáo; tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và hoạt động xã hội của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc; quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc. Pháp lệnh khẳng định: Mọi công dân đều có quyền tự do theo hoặc không theo tôn giáo. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân được Nhà nước tôn trọng và bảo đảm. Nhà nước không phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Nghĩa là các công dân có tín ngưỡng, tôn giáo được bình đẳng như mọi công dân khác trong xã hội trong thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân. Quyền công dân được thực hiện trên nhiều lĩnh vực như quyền bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu, quyền được học hành, vui chơi, giải trí, được tiếp cận các nguồn lợi xã hội, quyền tự do cư trú, tự do đi lại và các quyền dân sự, chính trị khác... Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân không có tín ngưỡng tôn giáo đều có nghĩa vụ như nhau trước pháp luật. Một số nghĩa vụ mà mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều phải thực hiện như: nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ lao động công ích, nghĩa vụ đóng thuế... Ngoài bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, mọi công dân không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng còn bình đẳng về trách nhiệm pháp lý. Nghĩa là bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều bị

xử lý bằng các chế tài theo quy định của pháp luật, không phân biệt thành phần xuất thân, không phân biệt địa vị xã hội, không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo. Với các công dân có tín ngưỡng thì được tự do bày tỏ đức tin, thực hành nghi thức thờ cúng và được tự do tham dự các sinh hoạt tôn giáo, không phân biệt đó là người theo tôn giáo nào. Trong thực hành quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, công dân có tín ngưỡng, tôn giáo phải tôn trọng tự do không tín ngưỡng của người khác, và sinh hoạt tôn giáo không cản trở quyền thực hiện nghĩa vụ công dân. Chức sắc, nhà tu hành các tôn giáo được tự do giảng đạo theo quy định của pháp luật, không phân biệt chức sắc, nhà tu hành đó là người của tôn giáo nào. Chức sắc, nhà tu hành ngoài thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân của mình còn phải có trách nhiệm giáo dục cho tín đồ lòng yêu nước, ý thức chấp hành pháp luật và hướng dẫn tín đồ thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm công dân.

Những vấn đề này sau đó được cụ thể hóa trong các Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 và Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 (thay thế Nghị định số 22/2005/NĐ-CP) của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thực hiện Pháp lệnh TNTG.

Pháp lệnh TNTG 2004 đã thể hiện:

Các tôn giáo đã được Nhà nước công nhận đều có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật; các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của các tôn giáo khác nhau đều được Nhà nước đảm bảo.

Tài sản hợp pháp thuộc các cơ sở thờ tự của các tôn giáo đã được Nhà nước công nhận đều được pháp luật bảo hộ. Các tôn giáo được xây dựng, sửa chữa, tu bổ cơ sở thờ tự phù hợp với nhu cầu của tôn giáo, phù hợp với điều kiện của đất nước và những quy định của pháp luật.

Các tổ chức tôn giáo được thành lập, sáp nhập, chia tách, được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật không phân biệt đó là tôn giáo nào.

Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận được bình đẳng với nhau trong thành lập trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng người chuyên hoạt động tôn giáo; bình đẳng trong xuất bản, in ấn, sử dụng kinh sách, đồ dùng việc đạo phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo.

Các tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc của các tôn giáo được quyền bình đẳng trong thực hiện quan hệ đối ngoại theo quy định của hiến chương, điều lệ, giáo luật của tổ chức tôn giáo, phù hợp với pháp luật Việt Nam. Đặc biệt, nguyên tắc ưu tiên áp dụng luật quốc tế đã được ghi nhận. Điều 38 Pháp lệnh TNTG 2004 quy định: “Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa XHCN Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó”. Điều này mở ra triển vọng tiếp tục nội luật hóa và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong Tuyên ngôn quốc tế về quyền dân sự và chính trị (ICCPR - International Covenant on Civil and Political Rights) và một số văn kiện nhân quyền quốc tế khác vào bối cảnh của Việt Nam.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển 2011) đã khái quát: “Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân”⁵. Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã nêu: “Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng trong giai đoạn mới của đất nước; tôn trọng những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của các tổ chức tôn giáo; động viên các chức sắc, tín đồ, các tổ chức tôn giáo sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁶. Tại Đại hội lần thứ XII (1/2016), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định “Hoàn thiện chính

sách, pháp luật về *tín ngưỡng, tôn giáo*, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.”⁷

Chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam là tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân thực hiện quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng; coi trọng chính sách đoàn kết và hòa hợp giữa các tôn giáo, đảm bảo sự bình đẳng, không phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo, tín ngưỡng, bảo hộ hoạt động của các tổ chức tôn giáo bằng pháp luật. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn hoạt động tôn giáo tại Việt Nam, tháng 11/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định 92/2012/NĐ-CP quy định chi tiết về biện pháp thi hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo với nhiều điểm mới phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sinh hoạt tôn giáo của người dân. Nghị định số 92/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực từ 1-1-2013 tiếp tục khẳng định: “Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân, không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Nghiêm cấm việc ép buộc công dân theo đạo, bỏ đạo hoặc lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước; kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền trái với pháp luật, chính sách của Nhà nước; chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, chia rẽ tôn giáo; gây rối trật tự công cộng, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đều bị xử lý theo quy định của pháp luật...”. Nhà nước Việt Nam chỉ trừng trị những cá nhân và tổ chức vi phạm pháp luật, lợi dụng tự do tôn giáo, tín ngưỡng để chống

phá Đảng và Nhà nước, phá hoại công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.⁸

Tuy nhiên, về quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng, pháp luật Việt Nam hiện vẫn còn khoảng cách so với luật nhân quyền quốc tế, thể hiện ở một số khía cạnh cơ bản sau:

- Hiến pháp năm 2013 chưa có quy định về quyền tự do tư tưởng, tự do niềm tin lương tâm. Đây là những quyền đóng vai trò nền tảng của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Theo ICCPR, các quyền này cần được ghi nhận và bảo vệ tương tự như với tự do tôn giáo, tín ngưỡng. Đặc điểm cơ bản của nhóm những quyền tự do này là không thể bị đình chỉ thực hiện, kể cả trong tình trạng khẩn cấp của quốc gia.

- Pháp luật Việt Nam chưa phân biệt giữa tự do tư tưởng, niềm tin lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng, với tự do thể hiện tôn giáo hay tín ngưỡng. Theo luật nhân quyền quốc tế, quyền tự do thể hiện tôn giáo, tín ngưỡng có thể bị hạn chế (không phải là quyền tuyệt đối), song các quốc gia không được phép áp đặt bất kỳ giới hạn nào đối với tự do tư tưởng, niềm tin lương tâm, tự do được tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng theo lựa chọn của mình. Những quyền tự do này được bảo vệ vô điều kiện, tương tự như với quyền được giữ ý kiến mà không bị can thiệp.

- Pháp luật cũng chưa quy định rõ một số điều kiện được nêu trong luật nhân quyền quốc tế, cụ thể như những hạn chế về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo chỉ có thể được áp dụng cho những mục đích đã được nêu ra trong luật, phải liên quan trực tiếp và phù hợp với nhu cầu cụ thể. Các hạn chế cũng không được áp đặt vì mục đích phân biệt đối xử, hoặc áp dụng mang tính phân biệt, và những đối tượng đặc biệt, ví dụ như tù nhân, vẫn tiếp tục được hưởng các quyền về biểu thị tôn giáo hoặc tín ngưỡng mà phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn.

- Pháp luật chưa quy định quyền tự do của bố mẹ hoặc những người giám hộ pháp lý được quyết định việc giáo dục đạo đức và tôn giáo cho con cái theo đức tin của họ.

- Mặc dù Nhà nước công nhận sự hiện diện, tồn tại của các tôn giáo nhưng pháp luật (bao gồm Pháp lệnh TNTG năm 2004 và các văn bản pháp luật khác có liên quan như Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai..) vẫn chưa ghi nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo. Bất cập này khiến cho các tổ chức tôn giáo hiện chưa được hưởng các quyền pháp nhân như các tổ chức xã hội hợp pháp khác theo Hiến pháp và pháp luật và đã dẫn đến những phản ứng, yêu cầu từ một số tổ chức tôn giáo lớn^{9,10}.

Từ những yêu cầu trên, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định đưa nội dung sửa đổi Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo và xây dựng Luật tín ngưỡng, tôn giáo vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội từ khóa XIII (2011-2016).

2. Thực hành tự do tôn giáo ở Việt Nam

Có thể thấy, Việt Nam là quốc gia đa sắc tộc và đa tôn giáo với sự dung hòa độc đáo giữa các tôn giáo lớn trong lòng dân tộc. Hiện nay, Nhà nước Việt Nam đã công nhận 39 tổ chức thuộc 14 tôn giáo, với khoảng 24,3 triệu tín đồ, chiếm 27% dân số, gần 53.000 chức sắc, 133.700 chức việc, 27.900 cơ sở thờ tự. Ngoài ra còn có hơn 70 tổ chức, hệ phái, nhóm tôn giáo khác chưa được đăng ký hoạt động, công nhận về tổ chức và hơn 60 hiện tượng tổ chức tín ngưỡng mang màu sắc tôn giáo (tự xưng là tôn giáo). Các tổ chức tôn giáo đang là một kênh quan trọng góp phần đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đi vào thực tiễn cuộc sống. Các tôn giáo tích cực hưởng ứng tham gia xây dựng chính quyền các cấp; nhiều chức sắc tôn giáo có uy tín đã được bầu vào Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên¹¹.

Các hoạt động tôn giáo ở Việt Nam diễn ra trên nhiều mặt với biểu hiện chính là các hoạt động lễ hội thường niên của nhiều tôn giáo như lễ Noel của Công giáo, lễ Phật đản của Phật giáo, và hàng loạt lễ hội của các tôn giáo khác đều diễn ra long trọng với sự tham gia của hàng trăm nghìn tín đồ. 95% dân số

Việt Nam có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, hàng năm, có gần 8000 lễ hội, trong đó có 7.039 lễ hội dân gian, 332 lễ hội lịch sử cách mạng, 544 lễ hội tôn giáo, 10 lễ hội du nhập từ nước ngoài vào và hơn 40 lễ hội khác. Các hoạt động này không chỉ là nhu cầu tâm linh của những người có đạo được pháp luật bảo vệ. Một số lễ hội tôn giáo lớn đã trở thành ngày hội chung của đông đảo Nhân dân, thể hiện đạo-đời hòa hợp, thắt chặt khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam.

Các tổ chức tôn giáo cũng có những hoạt động quốc tế hết sức sôi động với nhiều đoàn của các tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam và nhiều đoàn của các tổ chức tôn giáo Việt Nam ra nước ngoài. Nhiều hoạt động tôn giáo quốc tế và hoạt động lớn của các tôn giáo được tổ chức, thu hút hàng trăm ngàn người tham dự như Đại lễ Phật đản VESAK 2008, 2014; Hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới lần thứ 11 năm 2009; kỷ niệm 100 năm Tin lành vào Việt Nam năm 2011; Năm Thánh 2010 của Công giáo, kỷ niệm 50 năm thành lập hàng Giáo phẩm Việt Nam và 350 năm thành lập 02 giáo phận Đàng trong và Đàng ngoài, Hội nghị Giám mục châu Á... Các tổ chức tôn giáo cũng ngày càng tăng cường hoạt động và ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế, nhiều ngôi chùa thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được xây dựng ở nhiều nơi trên thế giới như Nga, Séc, Ba Lan, Ucraina. Giáo hội PGVN đã kết nạp 07 Hội Phật tử Việt Nam tại các nước Pháp, Nga, Đức, Séc, Ba lan, Hungary, Ucraina và một Ban Đại diện Tăng sinh du học ở Ấn Độ; nhiều hoạt động hợp tác quốc tế của Giáo hội Công giáo, các Hội thánh Cao Đài, Tin Lành và Hồi Giáo được đẩy mạnh. Hơn 10 năm qua, hơn 1.200 lượt chức sắc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo ra nước ngoài tham gia khóa đào tạo về tôn giáo, tham gia hội nghị, hội thảo với các tổ chức quốc tế về tôn giáo; gần 200 đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam hoạt động tôn giáo với số lượng lên tới hàng trăm lượt người.

Hiện nay có 04 học viện, 08 trường Cao đẳng và 32 trường Trung cấp Phật học. Giáo hội Công giáo đã thành lập Cơ sở II Đại

chủng viện thánh Giuse Hà Nội tại Tòa Giám mục Bùi Chu và thành lập Đại chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc tại Giáo phận Xuân Lộc, nâng tổng số lên 07 Đại chủng viện và 01 phân hiệu. Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) thành lập Viện thánh kinh thần học tại Hà Nội. Một số tổ chức tôn giáo khác cũng đang xúc tiến việc thành lập trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo theo quy định pháp luật. Đã có 13 trường đào tạo cử nhân tôn giáo của các giáo hội, 40 trường đào tạo trung cấp và cao đẳng của các tổ chức tôn giáo; khoảng 13.000 người đang học ở các trường đào tạo tôn giáo; hơn 1.000 người thuộc các tổ chức tôn giáo đang học thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài.

Chỉ tính riêng Công giáo và Phật giáo, năm 2004, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 37.775 tăng, ni, đến năm 2012 đã lên tới 46.699 tăng, ni; Giáo hội Công giáo từ 2.920 linh mục đến nay tăng lên 4.044 linh mục. Có 10.816 con dấu đã được cấp cho các tổ chức tôn giáo sử dụng (riêng Phật giáo Nam tông Khmer 452/452 ngôi chùa đã có con dấu). Có khoảng 20.000 cơ sở thờ tự được sửa chữa, xây dựng mới. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã cấp hàng trăm ha đất để xây dựng cơ sở thờ tự, trong đó một số trường hợp đáng kể như: giao đất cho Tòa Tổng Giám mục TGP Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Trung tâm mục vụ; giao 7.500m² đất cho Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) xây dựng Viện Thánh kinh Thần học; giao 20 ha xây dựng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, 10 ha xây dựng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội; giao hơn 11.000m² đất cho Tòa Giám mục Buôn Ma Thuột, hơn 9.000m² đất cho Tòa Giám mục Đà Nẵng, 15 ha đất cho Giáo xứ La Vang, Quảng Trị để mở rộng cơ sở tôn giáo.

Trong việc in ấn, xuất bản phẩm tôn giáo: từ năm 2006 đến nay, Nhà xuất bản Tôn giáo đã cấp phép xuất bản hơn 5.841 xuất bản phẩm, trong đó có 4.725 đầu sách với 14.535.464 bản in; 1.118 đĩa MP3, VCD, CD, DVD, ảnh, lịch, cờ với số lượng 2.546.201 bản, với nhiều ngôn ngữ khác nhau như Anh,

Pháp và tiếng dân tộc Khmer, Ê Đê, Gia Rai, Ba Na.

Hoạt động xã hội của tổ chức, cá nhân tôn giáo tập trung vào giáo dục mẫu giáo, dạy nghề, nhân đạo, cứu trợ, y tế... Với các hình thức và nội dung hoạt động phong phú như mở trường, lớp mầm non, lớp học tình thương, trung tâm dạy nghề, trung tâm bảo trợ xã hội, ủng hộ đồng bào bão lụt, cung cấp cơm, cháo, nước sôi cho người nghèo, người bệnh. Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay có gần 300 cơ sở giáo dục mẫu giáo với hơn 100 điểm trường; hơn 300 cơ sở khám chữa bệnh đông, tây y; hơn 100 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người già, người khuyết tật, không nơi nương tựa, nạn nhân chất độc da cam, người nhiễm HIV. Kinh phí tổ chức, cá nhân tôn giáo đóng góp để thực hiện cho các hoạt động này mỗi năm lên tới hàng chục tỉ đồng¹².

Về cơ bản các hoạt động tôn giáo dần đi vào nề nếp, quần chúng tín đồ, nhà tu hành, chức việc, chức sắc các tôn giáo yên tâm, phấn khởi, tin tưởng hơn vào đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo còn tiềm ẩn những yếu tố có thể gây mất ổn định xã hội, một số hoạt động có diễn biến phức tạp. Một số vụ việc cụ thể như Hội đồng Giám mục Việt Nam đã ra “bản nhận định và góp ý sửa đổi Hiến pháp 1992” đòi xây dựng Hiến pháp mới theo hướng đa nguyên, đa đảng, xây dựng Nhà nước tam quyền phân lập, tách tôn giáo ra khỏi sự quản lý Nhà nước, đòi dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo theo kiểu phương Tây, đòi tư nhân hóa sở hữu đất đai,... đã tạo nên một làn sóng ủng hộ mạnh mẽ trong tầng lớp chức sắc, giáo dân Công giáo trong và ngoài nước; xu thế chính trị hóa tôn giáo bộc lộ ngày càng rõ nét; hoạt động chống đối của một số chức sắc, giáo dân cực đoan trong Công giáo ngày càng công khai, quyết liệt, thách thức chính quyền, điển hình là việc công khai rao giảng vu cáo, bịa đặt, nói xấu chế độ, bôi nhọ lãnh đạo Đảng, Nhà nước của Ủy ban Công lý, hòa bình thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam, Dòng Chúa cứu thế; việc lợi dụng các vụ việc phức tạp

xảy ra tại 42 Nhà Chung, Giáo xứ Thái Hà và Giáo phận Vinh (Nghệ An) để tập hợp lực lượng, kích động giáo dân tập trung đông người tổ chức cầu nguyện, hiệp thông, lên án chính quyền đàn áp tôn giáo, coi thường pháp luật, công khai thách thức chống đối chính quyền, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ, bắt giữ cán bộ, đập phá tài sản,...; thành lập “Hội đồng liên tôn” với sự tham gia của các chức sắc, đối tượng cực đoan, chống đối trong Công giáo, Phật giáo, Tin lành, Cao đài, Phật giáo Hòa Hảo, đứng đầu là một số linh mục Dòng Chúa cứu thế. Đối với đạo Tin lành miền Nam cũng tiềm ẩn nhiều bất ổn; một số hệ phái Tin lành khác có mâu thuẫn nội bộ; hiện tượng tranh giành tín đồ của một số hệ phái Tin lành; hoạt động lấn lướt chính quyền, yêu sách, tạo sự đã rồi, gây sức ép; hoạt động của tà đạo “Hà Môn”, tà đạo “Duong Văn Minh” thể hiện rõ ý đồ chính trị phản động; các “hiện tượng tôn giáo mới”, “tà đạo”, đạo lạ diễn biến phức tạp, gây mất an ninh trật tự ở nhiều địa phương. Nhiều hiện tượng tín ngưỡng mang màu sắc tôn giáo phát triển mạnh, kéo theo số lượng tín đồ với nhiều hoạt động phức tạp;...

Tôn giáo cùng với các tín ngưỡng đã hòa vào dòng chảy văn hóa Việt Nam, làm phong phú thêm nét văn hóa đa dạng của người Việt. Cũng như mọi quốc gia trên thế giới, Nhà nước Việt Nam không cho phép bất kỳ tôn giáo nào được phép đứng ngoài luật pháp, đứng ngoài dân tộc, đứng trên lợi ích quốc gia. Một yêu cầu khách quan đặt ra trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam là dù nội sinh hay ngoại sinh, các tôn giáo muốn phát triển đều phải hòa đồng với dòng chảy văn hóa của dân tộc và phải chịu sự quản lý của Nhà nước. Khi xem xét, giải quyết các vấn đề có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, một trong những yêu cầu cơ bản mà Nhà nước Việt Nam đặt ra là trong sáng, vô tư, không có sự phân biệt hay đối xử thiên vị giữa các tôn giáo. Thực tế ở Việt Nam không có hiện tượng chống tín ngưỡng, tôn giáo, mà chỉ chống những kẻ lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích

động chia rẽ nhân dân, gây rối trật tự công cộng, xâm phạm an ninh quốc gia. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không phải là quyền vô giới hạn, vì vượt qua phạm vi nào đó sẽ lại vi phạm vào quyền chính đáng của những người khác. Chỉ có những phần tử lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm luật pháp, chống phá Nhà nước Việt Nam hoặc có các hoạt động đi ngược lại chính sách của Đảng và Nhà nước, tuyên truyền mê tín dị đoan và các hủ tục lạc hậu nhằm mưu cầu lợi ích cá nhân mới bị xử lý theo các quy định của pháp luật như mọi công dân khác.¹³ Tự do theo nghĩa chân chính là tự do của người này, cộng đồng này không vi phạm đến tự do của người khác và cộng đồng khác. Chẳng có quốc gia nào mà cá nhân và tổ chức tôn giáo được hoạt động ngoài vòng pháp luật của

quốc gia đó.¹⁴

Kết luận, Việt Nam là một quốc gia đã hình thành sớm với những giá trị lịch sử và truyền thống phong phú, chính vì thế đời sống tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam rất đặc sắc và đa dạng. Trong thời kỳ hiện đại, ngay từ khi ra đời năm 1945 Nhà nước Việt Nam đã quan tâm tới những giá trị tinh thần đặc biệt này, do đó từ quan điểm của Đảng tới chính sách của Nhà nước đã nhất quán trong việc chăm lo tới tự do tín ngưỡng và tôn giáo của Nhân dân. Mặc dù, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều cố gắng trong việc nhận thức, xây dựng và hoàn thiện chính sách nhằm tạo điều kiện tốt hơn cho Nhân dân thực hiện tự do tín ngưỡng, tôn giáo, nhưng những vấn đề thực tiễn luôn nảy sinh những đòi hỏi mới cần tiếp tục hoàn thiện và bổ sung ■

Ghi chú:

1. Trong bài trình bày tại Hội thảo thường niên lần thứ 21 từ ngày 5-7 tháng 10 năm 2014 về Luật pháp và Tôn giáo, Trường Luật – Đại học Brigham Young University – Hoa Kỳ, của Brian J. Grim – Chủ tịch Quỹ Tự do Tôn giáo và Kinh doanh (Religious Freedom & Business Foudation) Hoa Kỳ. Việt Nam đứng thứ 3 về sự đa dạng tôn giáo sau Trung Quốc, Mozambique.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, tr. 78.
3. Bộ luật dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
4. Văn kiện hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 khóa IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà nội 2003, tr. 45-46.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 81.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 51.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia.
8. <http://nguyentandung.org/daul-la-thuc-te-tu-do-ton-giao-o-viet-nam.html>
9. Xem, Bản góp ý xây dựng Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 22/2005/NĐ-CP của Tòa Tổng Giám mục TP.Hồ Chí Minh, ngày 20/5/2011, tại <http://vietcatholic.org/News/Html/90073.htm>
10. http://tcnn.vn/Plus.aspx/vi/News/125/0/1010067/0/33814/Quyen_tu_do_tin_nguong_ton_giao_theo_luat_nhan_quyen_quoc_te_va_trong_phap_luat_Viet_Nam
11. <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Chinh-tri/844314/daul-la-thuc-te-tu-do-ton-giao-o-viet-nam>
12. Bộ Nội vụ, *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, ngày 15 tháng 6 năm 2015.
13. http://thanhtra.com.vn/chinh-tri/doi-ngoai/cham-dut-luan-dieu-thieu-thien-chi-ve-tu-do-ton-giao-o-viet-nam_t114c1065n94521
14. <http://tinnhanhphapluat.com/quoc-phong/khong-the-phu-nhan-tu-do-ton-giao-o-viet-nam/>

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật.
- Bộ luật dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
- Văn kiện hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà nội, 2003.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia.
- Trang web, *Đâu là thực tế tự do tôn giáo ở Việt Nam?* <http://nguyentandung.org/dau-la-thuc-te-tu-do-ton-giao-o-viet-nam.html>.
- Bộ Nội vụ (2015). *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, ngày 15 tháng 6 năm 2015.
- Thông tấn xã Việt Nam, *Chăm dứt luận điệu thiếu thiện chí về tự do tôn giáo ở Việt Nam*, http://thanhtra.com.vn/chinh-tri/doi-ngoai/cham-dut-luan-dieu-thieu-thien-chi-ve-tu-do-ton-giao-o-viet-nam_t114c1065n94521
- Quang Lê, *Không thể phủ nhận tự do tôn giáo ở Việt Nam*, <http://tinnhanhphapluat.com/quoc-phong/khong-the-phu-nhan-tu-do-ton-giao-o-viet-nam/>
- Bản góp ý xây dựng Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 22/2005/NĐ-CP của Tòa Tổng Giám mục TP.Hồ Chí Minh, ngày 20/5/2011, <http://vietcatholic.org/News/Html/90073.htm>.
- Vũ Công Giao, Lê Thị Thúy Hương, *Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo theo luật nhân quyền quốc tế và trong pháp luật Việt Nam*, http://tcnn.vn/Plus.aspx/vi/News/125/0/1010067/0/33814/Quyen_tu_do_tin_nguong_ton_giao_theo_luat_nhan_quyen_quoc_te_va_trong_phap_luat_Viet_Nam.